

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2024

V/v: Ly hôn và tranh chấp  
về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Võ Thị Lê.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thuý Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 396/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Kim A, sinh năm 1992; nơi thường trú: Số nhà 97, đường C, tổ 5, ấp 3, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở hiện tại: Nhà trọ Duyên Ph, tổ 5, khu phố H, phường T, thành phố U, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Ngô Văn H, sinh năm 1984; nơi thường trú: Số 1037/4B, 7, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang; nơi ở hiện tại: Nhà trọ Nguyễn Thị M, tổ 5, khu phố H, phường T, thành phố U, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Kim A trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Dương Thị Kim A và ông Ngô Văn H quen biết nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân; có tổ chức lễ cưới theo phong tục

tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố X, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 184/2015, quyển số 01/2015 ngày 06/10/2015. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, cùng nhau lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Mâu thuẫn nhiều nhất là đầu năm 2023. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, thương yêu nhau, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt và vợ chồng đã ly thân từ đó. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 30/4/2017. Hiện tại, con chung đang sống với bà A. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1984; nơi thường trú: Số 1037/4B, 7, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang đăng ký tạm trú tại Nhà trọ Nguyễn Thị M, tổ 5, khu phố T, phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; cho đến nay địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng bà Dương Thị Kim A và ông Ngô Văn H nên địa phương không rõ vợ chồng bà A và ông H có mâu thuẫn như thế nào.

Theo bản tự khai ngày 06/12/2024 của cháu Ngô Anh K trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu Kiệt có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Dương Thị Kim A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị Kim A được ly hôn với ông Ngô Văn H; về con chung: giao con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 30/4/2017 cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không yêu cầu hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Dương Thị Kim A có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn H và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Ngô Văn H hiện đang cư trú tại phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn được triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Kim A và ông Ngô Văn H là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố X, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 184/2015, quyển số 01/2015 ngày 06/10/2015. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Dương Thị Kim A xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà A và ông Ngô Văn H không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng vào đầu năm 2023, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, thương yêu nhau, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Hai bên đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vẫn không đến Tòa án, cho thấy ông H không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía bà A, trong quá trình tố tụng xác định hoàn toàn không còn tình cảm với ông H và không thể tiếp tục chung sống với ông H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, thủy chung, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của bà A và ông H đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà A và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng bà A và ông H có 01 người con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 30/4/2017. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện tại cháu Kiệt đang do bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Kiệt có nguyện vọng được sống với bà A. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà A là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Kim A về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Ngô Văn H như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Kim A được ly hôn với ông Ngô Văn H.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 30/4/2017 cho bà Dương Thị Kim A được trực tiếp nuôi dưỡng; ông Ngô Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Dương Thị Kim A và ông Ngô Văn H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004427 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Võ Thị Lê**

